TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2023/HS-ST
Ngày 25 tháng 4 năm 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Việt Thắng

2. Ông Văn Công Trọn

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Cẩm Hường - Là Thư ký viên, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Dần - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 13/2023/TLST-HS, ngày 23 tháng 02 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2023/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 4 năm 2023 đối với:

Bị cáo: Nguyễn Hoàng G, sinh năm 1996 (tên gọi khác: Giang Lì); Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Khóm A, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau; Chỗ ở hiện tại: Khóm I, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau; Nghề nghiệp: Làm thuê; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Lớp 01/12; Con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1963; Con bà Võ Kim P, sinh năm 1966; vợ: Phạm Thê M, sinh năm 2000 (đã ly hôn); Con: 01 người, sinh năm 2019); Anh chị em ruột có 03 người (lớn nhất sinh năm 1989 nhỏ nhất sinh năm 2000); Tiền án: 01 tiền án: Năm 2020, bị Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xử phạt 18 tháng tù giam về tội "Cưỡng đoạt tài sản", chấp hành xong ngày 27/11/2021; Tiền sự: Không; Bắt tạm giam ngày 25/11/2022, sau đó khởi tố chuyển tạm giam đến nay.

Bị cáo đang tạm giam có mặt tại phiên tòa.

* *Bị hại:*

1/ Ông Võ Văn R, sinh năm: 1983 (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

2/ Ông Phan Văn P1, sinh năm: 1992 (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp C, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.
3/ Ông Nguyễn Hoàng Â, sinh năm: 1987 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau
4/ Ông Huỳnh Văn C1, sinh năm: 1969 (vắng mặt)
Địa chỉ: Khóm C, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.
5/ Ông Lê Văn T, sinh năm: 1964 (vắng mặt)
Địa chỉ: Khóm F, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.
6/ Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm: 1977 (vắng mặt)
Địa chỉ: Khóm H, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.
7/ Ông Lê Văn T2, sinh năm: 1966 (vắng mặt)
Địa chỉ: Khóm E, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau
8/ Ông Đỗ Văn Y, sinh năm: 1973 (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp T, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.
9/ Ông Nguyễn Duy K, sinh năm: 1984 (vắng mặt)
Địa chỉ: Khóm A, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.
10/ Ông Nguyễn Văn P2, sinh năm: 1966 (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.
11/ Ông Nguyễn Văn D, sinh năm: 1967 (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.
12/ Ông Trần Quang V, sinh năm: 1975 (vắng mặt)
Địa chỉ: Khóm G, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.
13/ Ông Nguyễn Văn L, sinh năm: 1950 (vắng mặt)
Địa chỉ: Khóm G, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.
14/ Ông Trần Thanh X, sinh năm: 1984 (vắng mặt)
Địa chỉ: Khóm G, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*
1/ Anh Huỳnh Văn T3, sinh năm 1992 (có mặt).
Địa chỉ: Khóm G, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau;
2/ Chị Huỳnh Lan V1, sinh năm 2003 (vắng mặt)
Địa chỉ: Khóm I, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ, ngày 25 tháng 11 năm 2022, lực lượng Công an huyện T, tỉnh Cà Mau kết hợp với Công an thị trấn S, bắt quả tang Nguyễn Hoàng G có hành vi

cưỡng đoạt tài sản của nhiều người hành nghề chạy xe ôm tại bến xe thuộc khóm G, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Quá trình điều tra Nguyễn Hoàng G không thừa nhận hành vi phạm tội nhưng có đầy đủ căn cứ chứng minh hành vi phạm tội của G, vào ngày 23 tháng 10 năm 2022, G đến bến xe ôm tại khóm G, thị trấn S yêu cầu Nguyễn Lâm T4, làm nhóm trưởng bến xe ôm, ghi danh sách những người hành nghề xe ôm đưa cho G để G theo dõi thu tiền bảo kê, G nói "*Ai chạy xe ôm ở bến này thì phải đóng tiền cho G mỗi tháng 200.000 đồng, nếu ai không đóng thì không được chạy bến này*". Sau đó từ ngày 25/10/2022 đến ngày 10/11/2022, G thường xuyên đến bến xe ôm tỏa thái độ hung hăng yêu cầu những người không đóng tiền thì nghĩ chạy, rồi lấy miếng giấy tập học sinh có ghi tên những người chạy xe ôm mà trước đó đưa ra thu của Nguyễn Văn T1, Lê Văn T2, Huỳnh Văn C1, Phan Văn P1, Nguyễn Hoàng Â, Lê Văn T, Nguyễn Duy K, Nguyễn Văn D, Trần Quang V, Trần Thanh X, Nguyễn Văn P2 mỗi người giao nộp cho G 200.000 đồng. Tổng số tiền G thu của 11 người là 2.200.000 đồng.

Từ ngày 22/11/2022 đến ngày 24/11/2022, G tiếp tục đến bến xe thu tiền bảo kê của Võ Văn R, Phan Văn P1, Nguyễn Hoàng Â, Lê Văn T, Nguyễn Duy K, Nguyễn Văn D, Trần Quang V, Nguyễn Văn P2, Đỗ Văn Y, Nguyễn Văn L mỗi người 200.000 đồng. Tổng số tiền G thu của 10 người là 2.000.000 đồng.

Đến ngày 25/11/2022, G tiếp tục điều khiển xe máy hiệu Wave ZX không có biển số kiểm soát đến bến xe ôm tiếp tục thu tiền bảo kê của anh Huỳnh Minh C2 200.000 đồng, thu của Nguyễn Văn D đóng dùm cho X 200.000 đồng, thu của Nguyễn Văn T1 400.000 đồng (trong đó anh T1 đóng dùm cho T2 200.000 đồng) số tiền G thu được 600.000 đồng bỏ vào nón bảo hiểm đang cầm trên tay thì bị lực lượng Công an bắt quả tang, lập biên bản thu tang vật 600.000 đồng, 01 điện thoại di động và số tiền 900.000 đồng trong túi quần của G, 01 nón bảo hiểm, 01 xe máy hiệu Wave ZX không có biển số, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe đứng tên Nguyễn Tri Â1, 12 thẻ Card vận tải hàng hóa Phúc An, 01 hộ chiếu, 01 thẻ bảo hiểm đứng tên Nguyễn Hoàng G, 01 bóp da màu nâu.

-Vật chứng vụ án: Tiền Việt Nam 600.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 và số tiền 900.000 đồng trong túi quần của G, 01 nón bảo hiểm, 01 xe máy hiệu Wave ZX không có biển số, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe phô tô đứng tên Nguyễn Tri Â2, 12 thẻ Card vận tải hàng hóa Phúc An, 01 hộ chiếu, 01 thẻ bảo hiểm đứng tên Nguyễn Hoàng G, 01 bóp da màu nâu.

***/** Tại Cáo trạng số: 20/CT-VKS ngày 21/02/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời truy tố Nguyễn Hoàng G về tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 170 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo không thừa nhận nội dung Cáo trạng của viện kiểm sát truy tố bị cáo nhưng trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo không có khiếu nại, không kêu oan; các lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra là do bị cáo tự nguyện khai; không ai

ép cung, móm cung gì đối với bị cáo; Về trách nhiệm dân sự bị cáo không đồng ý bồi thường cho các bị hại.

Tại phiên tòa anh Huỳnh Văn T3 yêu cầu được nhận lại xe máy hiệu Wave Zx

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu quan điểm luận tội đối với bị cáo là giữ nguyên nội dung Cáo trạng số: 20/CT-VKS ngày 21 tháng 02 năm 2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, phạt bị cáo Nguyễn Hoàng G từ 01 năm đến 02 năm tù giam; Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Tịch thu tiêu hủy: 01 nón bảo hiểm; Giao Cơ quan thi hành án giữ số tiền Việt Nam 1.500.000 đồng để đảm bảo thi hành án; Trả cho bị cáo 12 thẻ Card vận tải hàng hóa An Phúc; 01 hộ chiếu, 01 thẻ bảo hiểm đứng tên Nguyễn Hoàng G, 01 bóp da màu nâu; Trả cho anh Huỳnh Văn T3 01 xe máy hiệu Wave ZX màu đỏ không có biển số, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe đứng tên Nguyễn Tri Â2, biển số kiểm soát 69N1-689.49. Trả cho chị Huỳnh Lan V1 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11. *Về trách nhiệm dân sự*: Buộc bị cáo bồi thường cho các bị hại tổng số tiền 5.000.000 đồng.

Bị cáo không tham gia tranh luận, chỉ nói lời sau cùng là xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét nhận thấy như sau:

[1] Tại phiên tòa, các bị hại: Võ Văn R, Phan Văn P1, Nguyễn Hoàng Â, Huỳnh Văn C1, Lê Văn T, Nguyễn Văn T1, Lê Văn T2, Đỗ Văn Y, Trần Thanh X, Nguyễn Văn P2, Nguyễn Văn D, Trần Quang V, Nguyễn Văn L, Nguyễn Duy K; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Huỳnh Lan V1 vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy việc vắng mặt của các bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị V1 không ảnh hưởng đến nội dung xét xử vụ án nên căn cứ theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên theo quy định.

[2] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn T5, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Hoàng G chỉ khai bị cáo đến bến xe ôm thuộc khóm G, thị trấn S mục đích bị cáo rủ những người hành nghề chạy xe ôm thành lập đội xe Ráp nếu ai đồng ý tham gia thì đóng cho bị cáo 200.000 đồng/tháng. Khi bị lực lượng Công an bắt quả tang bị cáo đang thu số tiền 600.000 đồng. Bị cáo cho rằng số tiền này giữa bị cáo với các bị hại đã thỏa thuận với nhau từ một tháng trước mục đích gom tiền là để tổ chức nhậu, không có hành vi ép buộc các bị hại đưa tiền cho bị cáo. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là không có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ: Giữa bị cáo với các bị hại không quen biết nhau cũng không có mâu thuẫn với nhau và cũng chưa có lần được ngồi nhậu với nhau sao lại đưa tiền cho bị cáo mỗi tháng 200.000 đồng/người. Trong khi các bị hại làm nghề chạy xe ôm, thu nhập không ổn định, còn phải lo cho cuộc sống gia đình. Điều đó đã thể hiện qua đơn tố giác của các bị hại trong một thời gian dài. Các bị hại đã đưa tiền cho bị cáo là ngoài ý muốn của các bị hại, do các bị hại biết bị cáo là đối tượng giang hồ mới ra tù nếu không đưa tiền lo sợ bị đánh, bị quấy rối không chạy xe ôm được.

Qua xét hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 23/10/2022, bị cáo đến bến xe ôm thuộc khóm G, thị trấn S yêu cầu ông Nguyễn Thanh T6 làm nhóm trưởng cung cấp danh sách và số điện thoại những người hành nghề chạy xe ôm ở khóm G để cho bị cáo theo dõi thu tiền bảo kê, do thấy cơ thể bị cáo có xâm hình nên ai thấy cũng sợ. Do sợ quấy phá không chạy xe được nên ông T6 đã cung cấp cho bị cáo (bl 37-39). Qua khám xét phòng ở của bị cáo thu giữ 02 tờ giấy tập học sinh có thể hiện danh sách và số điện thoại của nhưng người hành nghề chạy xe ôm ở bến xe khóm G (bl 247, 248); Phù hợp với lời khai của các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác: Biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng của vụ án thu được có cơ sở chứng minh bị cáo Nguyễn Hoàng G có hành vi chiếm đoạt tài sản của những người hành nghề chay xe ôm tại bến xe khóm G, thị trấn S. Bị cáo đe dọa, uy hiếp tinh thần của những người hành nghề chạy xe ôm yêu cầu mỗi người phải đóng tiền cho bị cáo 200.000 đồng/tháng thì mới được cho chạy xe ôm ở bến này nếu không đóng tiền cho bị cáo thì không được chạy. Bị đe dọa nên các bị hại Võ Văn R, Phan Văn P1, Nguyễn Hoàng Â, Huỳnh Văn C1, Lê Văn T, Nguyễn Văn T1, Lê Văn T2, Đỗ Văn Y, Trần Thanh X, Nguyễn Văn P2, Nguyễn Văn D, Trần Quang V, Nguyễn Văn L, Nguyễn Duy K lo sợ bị cáo đến gây sự, quấy rối gặp khó khăn trong việc chạy xe ôm nên các bị hại phải đồng ý đưa số tiền theo yêu cầu của bị cáo. Đến khoảng 11 giờ 20 phút ngày 25/11/2022, bị cáo đang thu tiền thì bị lực lượng Công an huyện Trần Văn T5 kết hợp với Công an thị trấn S bắt quả tang. Bị cáo đã có hành vi đe dọa để uy hiếp tinh thần các bị hại chạy xe ôm để chiếm đoạt số tiền 5.000.000 đồng. Hành vi trên của bị cáo Nguyễn Hoàng G có đủ yếu tố cấu thành tội "Cưỡng đoạt tài sản" tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 170 của Bộ luật hình sự năm 2015 (*đã sửa đổi bổ sung năm 2017*).

[4] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội và hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Hoàng G là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây khó khăn cho hoạt động của những người hành nghề chạy xe ôm ở khu vực Khóm G, thị trấn S và làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương. Khi phạm tội bị cáo là người đã trưởng thành, biết rõ khi chiếm đoạt tiền của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn có tiền chi xài bị cáo đã bất chấp pháp luật cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

[5] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không thành khẩn khai báo nên không được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bản thân bị cáo có nhân thân không tốt. Năm 2020, đã bị kết án tù về tội "*Cưỡng đoạt tài sản*" theo bản án số 79/2020/HSST ngày 23/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời. Bị cáo mới chấp hành xong ngày 27/10/2021, chưa được xóa án tích. Nay tiếp tục phạm tội và lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục riêng cho bản thân bị cáo và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[6] Quan điểm của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử về hình phạt nên được chấp nhận.

[7] Về xử lý vật chứng: Áp dụng 47, 48 Bộ luật hình sư và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Đối với 01 nón bảo hiểm màu đen, bị cáo sử dụng vào mục đích phạm tội. Xét thấy không còn giá trị sử dụng nên tích thu tiêu hủy; Đối với số tiền Việt Nam 1.500.000 đồng. Tiếp tục giao Cơ quan thi hành án quản lý để đảm báo thi hành án. Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone, sinh số 0916345624. Quá trình điều tra xác định bị cáo mượn của chị Huỳnh Lan V1. Quá trình điều tra chị V1 yêu cầu được nhận lại nên trả lại cho chị V1; Đối với 01 xe máy hiệu Wave ZX màu đỏ không có biển số kiểm soát, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe đứng tên Nguyễn Tri Â2, biển sổ kiểm soát 69N1-689.49 là xe của Huỳnh Văn T3 cho bị cáo mượn. Anh T3 không biết bị cáo dùng vào mục đích phạm tội nên trả lại cho anh T3. Đối với 12 thẻ Card vận tải hàng hóa Phúc An; 01 hộ chiếu tên Nguyễn Hoàng G, 01 thẻ bảo hiểm đứng tên Nguyễn Hoàng G, 01 bóp da màu nâu. Không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Số tiền bị cáo chiếm đoạt của các bị hại tổng cộng 5.000.000 đồng. Các bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường cụ thể: Nguyễn Văn T1 400.000 đồng, Lê Văn T2 400.000 đồng, Huỳnh Văn C1 400.000 đồng, Phan Văn P1 400.000 đồng, Nguyễn Hoàng Â 400.000 đồng, Lê Văn T 400.000 đồng, Nguyễn Duy K 400.000 đồng, Nguyễn Văn D 400.000 đồng, Trần Quang V 400.000 đồng, Trần Thanh X 400.000 đồng, Nguyễn Văn P2 400.000 đồng; Võ Văn R 200.000 đồng,

Nguyễn Văn Y1 200.000 đồng và Nguyễn Văn L 200.000 đồng. Xét thấy có cơ sở nên buộc bị cáo phải bồi thường cho các bị hại.

[9] Đối với Nguyễn Văn T7, Hồ Phước H và người tên N có liên quan đến vụ án nhưng hiện nay các đối tượng này không có ở địa phương. Cơ quan Cảnh sát điều tra chưa làm việc được nên tách ra tiếp tục điều tra nếu có căn cứ sẻ xử lý sau.

[10] Đối với Nguyễn Thanh T6 là người cung cấp tên và số điện thoại những người hành nghề xe ôm tại bến xe khóm G, thị trấn S cho G. Quá trình điều tra xác định T6 không liên quan trong vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không đề nghị xử lý là phù hợp.

[11] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 170; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 (*đã sửa đổi bổ sung năm 2017*).

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng G phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản".

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hoàng G **02** (Hai) năm tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bắt tạm giữ ngày 25/11/2022.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584; Điều 585 và Điều 590 Bộ luật dân sự; Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng G bồi thường cho các bị hại, cụ thể: Nguyễn Văn T1 400.000 đồng, Lê Văn T2 400.000 đồng, Huỳnh Văn C1 400.000 đồng, Phan Văn P1 400.000 đồng, Nguyễn Hoàng Â 400.000 đồng, Lê Văn T 400.000 đồng, Nguyễn Duy K 400.000 đồng, Nguyễn Văn D 400.000 đồng, Trần Quang V 400.000 đồng, Trần Thanh X 400.000 đồng, Nguyễn Văn P2 400.000 đồng; Võ Văn R 200.000 đồng, Nguyễn Văn Y1 200.000 đồng và Nguyễn Văn L 200.000 đồng. Tổng cộng 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả thêm khoản lãi tương ứng với số tiền chưa thi hành án với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

3. Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự . *Tuyên bố tịch thu tiêu hủy*: 01 nón bảo hiểm màu đen. *Trả lại cho bị cáo*: 12 thẻ Card vận tải hàng hóa Phúc An; 01 hộ chiếu tên Nguyễn Hoàng G, 01 thẻ bảo hiểm đứng tên Nguyễn Hoàng G, 01 bóp da màu nâu. *Trả lại cho anh Huỳnh Văn T3:* 01 xe máy hiệu Wave ZX màu đỏ không có biển số kiểm soát và 01 giấy chứng nhận

đăng ký xe đứng tên Nguyễn Tri Â2, biển số 69N1-68949. *Trả lại cho chị Huỳnh Lan V1*: 01 điện thoại di động, hiệu Iphone 11, sim số 0916345624. Tiếp tục giao Cơ quan thi hành án dân sự huyện Trần Văn T5 giữ số tiền 1.500.000 đồng để đảm bảo thi hành án cho các bị hại.

(*Các vật chứng trên hiện chi cục thi hành án dân sự quản lý theo biên bản giao nhận ngày 22/02/2023*).

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng G phải nộp số tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng (chưa nộp). Án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau (1b);
-VKSND tỉnh Cà Mau (1b);
- VKSND huyện Trần Văn Thời (1b);
- CAND huyện Trần Văn Thời (1b);
- THADS huyện Trần Văn Thời (1b);
- Bị cáo; Bị hại; Người liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Chí Công